CẨM NANG

NÔNG SẢN

Chúng tôi luôn ở đây để giúp đỡ bạn

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Công ty AEON Việt Nam hướng tới mục tiêu hiện thực hóa cuộc sống phong phú cho khách hàng bằng cách cung cấp các sản phẩm an toàn và chất lượng cho khách hàng.
Các sản phẩm này được sản xuất dựa trên sự tôn trọng và yêu cầu tuân thủ nghiêm túc theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO) và tuân thủ luật pháp của mỗi quốc gia, dựa trên tiêu chuẩn quốc tế về lao động, bảo vệ môi trường và kiểm soát chất lượng.
AEON Việt Nam mong muốn các nhà cung cấp hiểu rõ các nguyên tắc hợp tác thương mại của AEON Việt Nam theo triết lý kinh doanh “Khách Hàng Tiêu Dùng là quan trọng nhất” trong việc sản xuất sản phẩm.

MỤC ĐÍCH

Tài liệu hướng dẫn hợp tác thương mại với mục đích hỗ trợ các đối tác sản xuất, giao hàng sản phẩm với thương hiệu riêng. Hướng dẫn bao gồm các tiêu chuẩn từ công đoạn sản xuất sản phẩm, kiểm hàng, phân tích sản phẩm thành phẩm, kiểm kim, đóng gói, vận tải theo yêu cầu chất lượng của AEON Việt Nam để mang lại sản phẩm có giá trị cho khách hàng một cách tiết kiệm và hiệu quả.

MỤC LỤC

PHẦN I: XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN VÀO HỆ THỐNG AEON TẠI NHẬT BẢN

1. Chương 1 Tuyển chọn nhà cung cấp
2. Chương 2 Đàm phán･Đặt hàng･Thanh toán
3. Chương 3 Đánh giá quy phạm hành động nhà cung cấp･Đánh giá nhà máy
   - ① Phần 1 Đánh giá quy tắc ứng xử nhà cung cấp COC
   - ② Phần 2 Đánh giá nhà máy
   - ③ Phần 3 Hướng dẫn trước sản xuất và báo cáo cải thiện
4. Chương 4 Hệ thống quản lý nhà máy
5. Chương 5 Yêu cầu về kiểm soát chất lượng nhà máy
6. Chương 6 Sơ lược tiêu chuẩn chất lượng
7. Chương 7 Hợp đồng
8. Chương 8 Xác nhận xuất hàng
   - ① Phần 1 Kiểm tra sản phẩm, kiểm tra nguyên liệu, kiểm tra phụ liệu
   - ② Phần 2 Kiểm tra tính năng
   - ③ Phần 3 Kiểm hàng bên thứ 3
   - ④ Phần 4 Kiểm hàng･Rút mẫu
9. Chương 9 Xuất hàng･Vận chuyển･Đóng gói
10. Chương 10 Khách hàng･Siêu thị bán hàng

PHẦN II: NHẬP KHẨU HÀNG NÔNG SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Chương 1: Thông tin chung về Nhật Bản

Chương 2: Một số quy định chung về nhập khẩu khẩu hàng nông sản vào thị trường Nhật Bản

PHẦN I: XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN VÀO HỆ THỐNG AEON NHẬT BẢN

CHƯƠNG 1: TUYỂN CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Trước khi giao dịch, AEON Việt Nam sẽ lấy các tiêu chí bên dưới là nền tảng xem xét lựa chọn nhà cung cấp.

①Nhà cung cấp có thể chia sẻ sự hài lòng của khách hàng với AEON Việt Nam bằng cách dành sự quan tâm tối đa đến sự an toàn và an tâm cho khách hàng.

②Nhà cung cấp luôn có hành động và ý thức hoàn thiện sản phẩm.

③Có hơn 3 năm thành lập, tình hình kinh doanh tốt và ổn định.

④Có hoặc không khó để có giấy phép xuất khẩu.

⑤Có đủ năng lực để đáp ứng đơn hàng của AEON Việt Nam.

⑥Có chuyên môn kỹ thuật sản xuất các sản phẩm của AEON Việt Nam.

⑦Có lợi thế nhất định về giá đối với các sản phẩm của AEON Việt Nam.

⑧Có thể đáp ứng được việc ủy thác gia công sản phẩm theo tiêu chuẩn của công ty AEON Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG 2: ĐÀM PHÁN・ĐẶT HÀNG・THANH TOÁN

Các bước tiến hành đàm phán, đặt hàng và thanh toán của AEON Việt Nam được tiến hành theo quy trình cơ bản như sau:

①Việc đàm phán thương mại được tiến hành trực tiếp giữa AEON Việt Nam và nhà cung cấp.

② Đơn đặt hàng là do phía AEON Việt Nam tiến hành.

③Điều kiện giao dịch thương mại được thống nhất sau khi AEON Việt Nam thương lượng với nhà cung cấp.

④Thanh toán tiền gia công là do phía AEON Việt Nam tiến hành dựa trên điều khoản hợp đồng

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ QUY PHẠM HÀNH ĐỘNG NHÀ CUNG CẤP, ĐÁNH GIÁ NHÀ MÁY

①Phần 1: Đánh giá quy tắc ứng xử nhà cung cấp của AEON Việt Nam (CoC)

Nhà máy ủy thác gia công sản phẩm nhãn hàng riêng của AEON Việt Nam sẽ được đánh giá quy tắc ứng xử nhà cung cấp. Bước này nhằm xác nhận việc thực hiện quản lý theo quy định của luật pháp, đó là điều kiện cần thiết trước khi AEON Việt Nam giao dịch thương mại.

Mục đích:

Mục đính là thông qua đánh giá, khuyến khích nhà cung cấp tuân thủ những vấn đề mang tính chất xã hội và tiến hành quản lý phù hợp. Đồng thời yêu cầu nhà cung cấp tuân thủ quy tắc ứng xử và cùng nhau xây dựng chuỗi cung ứng thích hợp.

AEON Việt Nam hiện không thực hiện việc xác nhận đánh giá quy trình nguyên liệu, nhưng trường hợp có vi phạm nhân quyền nghiêm trọng hoặc vi phạm quy tắc ứng xử tương đương với quy tắc đó, AEON Việt Nam có thể yêu cầu đối tác sản xuất tiến hành kiểm tra với nhà cung cấp Cấp Hai và Cấp Ba.

Thông qua quy tắc ứng xử nhà cung cấp của AEON Việt Nam, mục đích cuối cùng là giải quyết các vấn đề mang tính chất xã hội trên toàn bộ chuỗi cung ứng.

Các loại đánh giá:

- Đánh giá bên ngoài (còn gọi là đánh giá bên thứ 3): là quy trình được đánh giá bởi đánh giá viên bên ngoài. Xác nhận cải thiện được thực hiện bởi đánh giá viên được công ty AEON Việt Nam chứng nhận.

AEON Việt Nam miễn đánh giá với những nhà máy đạt được chứng chỉ SA8000/ISO14001.

Quy trình đánh giá bên ngoài được áp dụng trong lần đánh giá đầu tiên và được thực hiện trước khi bắt đầu sản xuất.
- Đánh giá bên thứ 2: được thực hiện bởi đánh giá viên được công ty AEON Việt Nam chứng nhận, hoặc đánh giá viên bên ngoài.
Quy trình được thực hiện định kỳ mỗi 2 năm tính từ lần đánh giá đầu tiên.
- Đánh giá bên thứ 1: được thực hiện bởi nơi ủy thác gia công. Có thể được áp dụng cho trường hợp các nhà cung cấp đã được phía đánh giá viên bên ngoài và đánh giá viên bên thứ 2 nhận định cho kết quả tốt.
Các điểm chính của quy tắc ứng xử nhà cung cấp của công ty AEON Việt Nam tập trung vào các vấn đề như sau:

1) Tuân thủ luật và những quy định
2) Nghiêm cấm lao động trẻ em
3) Nghiêm cấm lao động cưỡng bức
4) Thời gian làm việc
5) Tiền lương và chế độ phúc lợi
6) Bạo hành và quấy rối
7) Nghiêm cấm phân biệt đối xử
8) Quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể
9) An toàn vệ sinh
10) Tuân thủ các luật và quy định về môi trường
11) Giao dịch thương mại
12) Thành thật và minh bạch
13) Phụ lục cam kết

Trình tự đánh giá:
- Đăng ký nhà cung cấp mà AEON Việt Nam đã xác định giao dịch thương mại.
- Thực hiện đánh giá trong vòng 30 ngày kể từ khi đăng ký đến khi đánh giá.
- Đánh giá viên sẽ thực hiện đánh giá thực tế tại nhà cung cấp.
- Đánh giá viên chuyển báo cáo kết quả đánh giá và các điểm không phù hợp cho nhà cung cấp vào ngày đánh giá.
- Gửi bảng kế hoạch cải thiện (CAP) cho nhà cung cấp.
- Nhà cung cấp gửi bảng kế hoạch cải thiện trong thời gian sớm nhất (trong vòng 2 tuần).

②Phần 2: Đánh giá nhà máy

Mục đích:
Trước khi giao dịch thương mại, AEON Việt Nam sẽ tiến hành xác nhận các sản phẩm ủy thác gia công có được sản xuất theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý sản xuất hay không, đồng thời tổ chức các biện pháp để cải thiện chất lượng.
Nhà máy đạt chứng nhận GFSI thì được miễn đánh giá. Tuy nhiên, vẫn cần tiến hành đánh giá hồ sơ.

Nội dung chính:
① Nhà máy mà AEON Việt Nam ủy thác gia công phải đạt kết quả đánh giá "Đạt" trước khi sản xuất.
② Nếu kết quả đánh giá "Không Đạt" sẽ không được tiến hành sản xuất.
③ Đánh giá lại phải được thực hiện trong vòng 2 tháng kể từ lần đánh giá đầu tiên.
④ AEON Việt Nam không chấp nhận những sản phẩm được sản xuất trước khi đánh giá có kết quả là "Đạt".

Các bước tiến hành đánh giá:

①AEON Việt Nam sẽ gửi bảng câu hỏi đánh giá trước cho nhà cung cấp.

②Nhà cung cấp tiến hành tự kiểm tra và gửi trước các hồ sơ sau.

1) Tài liệu hồ sơ năng lực cơ bản của doanh nghiệp
2) Sơ Đồ (layout) mặt bằng nhà máy
3) Sơ đồ công đoạn sản xuất - Quy trình sản xuất
4) Tài liệu phân tích mối nguy - Kiểm soát mối nguy
5) Tài liệu - Hệ thống kiểm soát Dị ứng
6) Quy định về hệ thống truy suất nguồn gốc và tài liệu liên quan
7) Quy định về kiểm soát, xử lý sản phẩm không phù hợp - Tiếp nhận - Khiếu nại
8) Quy trình xây dựng, thiết lập hạn sử dụng sản phẩm và tài liệu liên quan
9) Quy định về tiêu chuẩn của Vi sinh - Kháng sinh
10) Sơ đồ tổ chức - Phân bổ nhân sự của công ty
11) Sơ đồ phân bổ nhân sự phụ trách chất lượng - kỹ thuật của công ty
12) Tiêu chuẩn tiếp nhận nguyên phụ liệu
13) Phương pháp kiểm tra và tiêu chuẩn kiểm soát từng công đoạn sản xuất
14) Hồ sơ các vấn đề liên quan đến kiểm soát chất lượng và đối sách cải thiện vấn đề liên quan chất lượng.

③Nhà cung cấp gửi lại báo cáo cải thiện trong vòng 2 tuần sau ngày đánh giá.

④Trường hợp kết quả đánh giá không phù hợp, phải tiến hành lại và hoàn tất cải thiện trong vòng 2 tháng.

③Phần 3: Hướng dẫn trước sản xuất và báo cáo cải thiện

①AEON Việt Nam sẽ hướng dẫn trước cho nhà cung cấp để chuẩn bị hồ sơ, nhà xưởng đến năng lực sao cho có thể đánh giá được.

②Nhà cung cấp phải hiểu hướng dẫn một cách nghiêm túc và chấp hành việc thực hiện làm theo hướng dẫn.

③Sau khi hoàn tất đánh giá, AEON Việt Nam sẽ gửi bảng yêu cầu cải thiện cho nhà cung cấp sớm nhất.

④Nhà cung cấp sẽ thực hiện cải thiện và gửi báo cáo cải thiện trong vòng 2 tuần.

⑤Vào thời điểm AEON Việt Nam chấp nhận báo cáo cải thiện của nhà cung cấp thì nhà máy có thể bắt đầu sản xuất.

⑥ Việc đánh giá nhà máy sẽ được thực hiện định kỳ mỗi năm 1 lần.

⑦Nếu có bất kỳ thay đổi nào trong hệ thống nhà máy, AEON Việt Nam sẽ đến nhà máy kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

1) CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHÀ MÁY

Mục đích:

Yêu cầu quản lý các công đoạn và toàn bộ hệ thống của nhà máy để đảm bảo chất lượng và đảm bảo sự an toàn và chất lượng của sản phẩm.

Nội dung chính:

• Tổ chức của nhà máy: Phải bổ nhiệm người chịu trách nhiệm quản lý sản xuất - chất lượng - kỹ thuật và người chịu trách nhiệm tổng thể.

• Nhà xưởng:

Tách biệt cửa ra vào của công nhân viên và kho nguyên liệu.

Bố trí lối đi khu vực cho con người và vật nuôi (nguyên vật liệu) tránh giao thoa, tiếp xúc nhau.

Phân khu khu vực kiểm kim・Đóng gói tách biệt với những khu vực khác.

Kho thành phẩm tách biệt với khu vực khác.

• Quản lý giao hàng:

Quản lý theo hồ sơ kế hoạch sản xuất.

Quản lý giao hàng dựa vào tiến độ sản xuất hàng ngày.

Xây dựng hệ thống kiểm tra và liên lạc nhanh với khách hàng khi phát sinh chậm trễ trong quá trình sản xuất.

• Quản lý tiêu chuẩn sản xuất và báo cáo: Các hồ sơ này phải được quản lý và bảo lưu theo quy định.

• Đào tạo và huấn luyện nhân viên mới: Cần thực hiện đào tạo nhân viên mới, bảo lưu báo cáo đào tạo/ bảng kiểm tra để nâng cao kỹ năng tay nghề.

• Đối sách về Khiếu nại, hàng lỗi: Cần bảo lưu các bảng Báo cáo, nguyên nhân, đối sách liên quan đến các khiếu nại của khách hàng (lưu giữ 10 năm).

• Quản lý nhà cung cấp: thể hiện rõ tiêu chuẩn tuyển chọn nhà cung cấp bằng văn bản. Cần lập danh sách nhà cung cấp.

5) CHƯƠNG 5:YÊU CẦU VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NHÀ MÁY

Mục đích:

Yêu cầu hệ thống quản lý chất lượng của toàn bộ nhà máy đạt tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng của sản phẩm.

Nội dung chính:

① Phần 1: Kiểm soát dị ứng, phòng ngừa dị vật lẫn và sản phẩm

Cần tuyệt đối ngăn chặn việc sử dụng hay để xuất hiện (dù là vô tình) vật dụng nguy hiểm có thể gây nguy hại cho khách hàng lẫn vào trong sản phẩm.

② Phần 1: Kiểm soát dị ứng • phòng ngừa dị vật lẫn và sản phẩm

1) Thu thập thông tin chất gây dị ứng của dây chuyền sản xuất, kết quả phân tích và đưa ra biện pháp phòng ngừa.

2) Hệ thống phân tích - Kiểm soát mối nguy (CCP).

3) Quy định kiểm soát - Xử lý sản phẩm không phù hợp.

③ Phần 3: Kiểm hàng

1) Hồ sơ báo phải liên kết được từ nguyên liệu đến thành phẩm và truy suất được đến nguyên liệu sản xuất.

2) Phải thực hiện kiểm tra nguyên liệu khi tiếp nhận- Thiết lập bản hướng dẫn chỉ tiêu, phương pháp kiểm tra đồng nhất theo lô.
3) Phải thực hiện kiểm tra khi tiếp nhận nguyên phụ liệu- Lập hướng dẫn đảm bảo việc kiểm tra đồng nhất.
4) Kiểm tra bán thành phẩm theo từng công đoạn, tránh ùn ứ, nhận lẫn hàng chưa kiểm tra.
5) AEON Việt Nam sẽ chỉ định người kiểm tra tại dây chuyền sản xuất và theo dõi báo cáo cải thiện.
6) Nhà cung cấp thực hiện kiểm tra lần cuối trong nhà máy, thực hiện phân tích và bảo lưu báo cáo kiểm tra.
7) Kiểm tra nội dung bao bì･Phương pháp đóng gói.
8) Trước khi xuất hàng, công ty Thứ ba hoặc AEON Việt Nam sẽ thực hiện rút mẫu kiểm tra, kết quả Đạt mới được xuất hàng.

④ Phần 4: Tiêu chuẩn Vi sinh･Lý hóa

Chỉ tiêu và tiêu chuẩn phải đạt theo quy định pháp luật của Nhật bản và phù hợp với tiêu chuẩn của công ty AEON Việt Nam.

①Chỉ tiêu

1) Sản phẩm nông sản tươi

Việc kiểm tra Vi sinh là không cần thiết, tuy nhiên bắt buộc định kỳ phải kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật khoảng vài trăm chỉ tiêu. Tùy thuộc vào loại sản phẩm số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau và phải nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật Nhật Bản. Cách kiểm tra chỉ tiêu cho từng danh mục theo đương dẫn bên dưới.

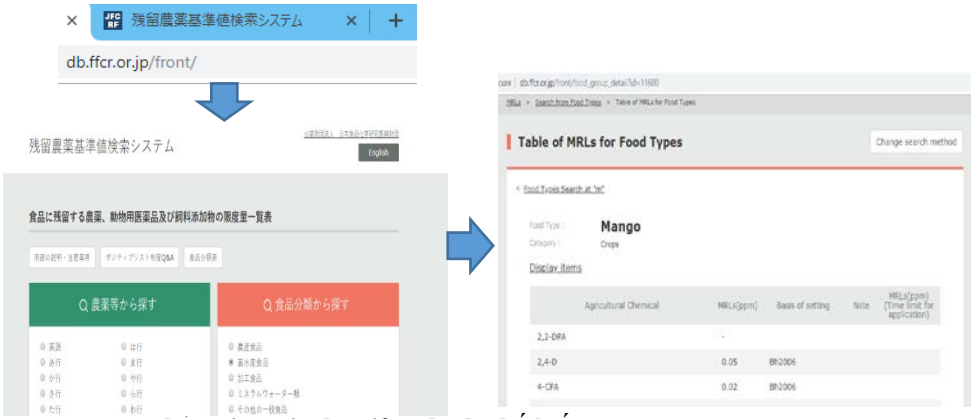

2) Sản phẩm đông lạnh - đông lạnh chế biến

Chỉ tiêu cơ bản cho dòng sản phẩm nguyên liệu:

Chỉ tiêu	Giới hạn cho phép	Điều kiện
TPC	< 100,000 cfu/g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
E.coli	Không phát hiện/25g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Colifrom	< 200 cfu/g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Salmonella	Không phát hiện/25g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
V.Cholerae	Không phát hiện/25g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Staphylococcus aureus	<1,000/g (tham khảo)	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Dư lượng thuốc hóa hoặc - Thuốc dùng cho thủy sản	Trong giới hạn cho phép của pháp luật Nhật	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Khối lượng tịnh	Không được nhỏ hơn thiết kế	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Mùi vị	Đặc trưng	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng

3) Sản phẩm bảo quản nhiệt độ thường - Sản phẩm dạng bột

Chỉ tiêu cơ bản sản phẩm hòa tan:

Chỉ tiêu	Giới hạn cho phép	Điều kiện
TPC	< 3,000 cfu/g	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Coliform	Không phát hiện	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Độ ẩm	< 5.0%	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
As 203	Không phát hiện	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Chì（pb）	Không phát hiện	Bao bì chưa mở

		Trong thời hạn sử dụng
Khối lượng tịnh	Không được nhỏ hơn thiết kế	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Mùi vị	Đặt trưng	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng
Hình dạng bên ngoài	Không thay đổi màu sắc-Vón cục-không khác thường	Bao bì chưa mở Trong thời hạn sử dụng

①Sản phẩm nguyên liệu, hay sản phẩm chế biến chín thì tiêu chuẩn sẽ khác nhau, cụ thể sẽ giải thích chi tiết cho từng trường hợp.
②Phân tích mẫu sẽ tiến thành cho toàn bộ lô sản xuất.
③Kiểm hàng - phân tích mẫu sau khi sản xuất, và kết quả nằm trong giới hạn cho phép mới được tiến hành xuất hàng.

⑤ Phần 5: Tiêu chuẩn Kháng sinh・Độc tố

① Chỉ tiêu: Kết quả phân tích phải nằm trong giới hạn cho phép của pháp luật Nhật Bản và công ty AEON Việt Nam.
② Để để phòng trường hợp phát sinh những điểm không phù hợp thì nhà máy phải có phòng thí nghiệm nội bộ để phân tích.
③ Trước khi xuất hàng phải tiến hành phân tích ở phòng thì nghiệm bên ngoài có chứng nhận ISO-17025.
④ Kiểm hàng, phân tích mẫu sau khi sản xuất, và kết quả nằm trong giới hạn cho phép mới được tiến hành xuất hàng.
⑤ Thực hiện đo chỉ số toàn bộ nguyên liệu, phụ liệu được sử dụng.
⑥ Thực hiện phân tích thành phẩm trước khi xuất hàng, xác nhận kết quả phải trong tiêu chuẩn cho phép.

Chỉ tiêu tiêu biểu cho sản phẩm thủy sản nuôi tiêu biểu:

Chỉ tiêu	Giới hạn cho phép	Điều kiện
Chloramphenicol	Không phát hiện (<0.5ppb)	Thành phẩm
Furaltadone (AOZ)	Không phát hiện (<1ppb)	Thành phẩm
Nitrofurantonine (AMOZ)	Không phát hiện (<1ppb)	Thành phẩm
Nitrofurazone (AHD)	Không phát hiện (<1ppb)	Thành phẩm
Semicarbazide (SEM)	Không phát hiện (<1ppb)	Thành phẩm
Malachite green and Leuco-Malachite green	Không phát hiện (<2ppb)	Thành phẩm
Enrofloxacin+Ciprofloxacin	Không phát hiện(LOD < 0.6ppb)	Thành phẩm
Trifularin	0.5ppm	Thành phẩm
Oxytetracycline	200ppb	Thành phẩm
Tetracycline	Không phát hiện (LOD < 20ppb)	Thành phẩm
Oxolinic acid	50ppb	Thành phẩm
Difloxacin	Không phát hiện (LOD < 1ppb)	Thành phẩm

Flumequine	600ppb	Thành phẩm
Sarafloxacin	Không phát hiện (LOD < 1ppb)	Thành phẩm
Ethoxyquin	1ppm	Thành phẩm
Aflatoxin	Không phát hiện（< 10ppm）	Thành phẩm

6) CHƯƠNG 6: SƠ LƯỢC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Mục đích:

Để tránh sản phẩm không tốt do AEON Việt Nam ủy thác gia công đến tay khách hàng, AEON Việt Nam tóm lược các tiêu chuẩn chất lượng như dưới đây. Những hạng mục khác AEON Việt Nam sẽ giải thích, xác nhận và tìm kiếm sự đồng thuận với nhà cung cấp trước khi bắt đầu giao dịch thương mại.

Phần 1: Những nội dung thể hiện trên bao bì:

① Thành phần,tỉ lệ : Nguyên liệu sử dụng, phụ gia thực phẩm phải được thể hiện theo tỉ lệ thành phần từ lớn đến nhỏ theo quy định của pháp luật Nhật Bản.

② Thông tin cảnh báo dị ứng : phù hợp với quy định của Nhật Bản và công ty AEON Việt Nam.

③ Thông tin hướng dẫn sử dụng: phù hợp theo pháp luật Nhật Bản và tiêu chuẩn của công ty AEON Việt Nam.

④ Khối lượng tịnh: phù hợp theo pháp luật Nhật bản và tiêu chuẩn của công ty AEON Việt Nam.

⑤ Thông tin thành phần dinh dưỡng: phù hợp theo pháp luật Nhật Bản và tiêu chuẩn của công ty AEON Việt Nam.

⑥ Nguồn gốc xuất xứ: phải phù hợp dựa trên pháp luật của các nước.

⑦ Người chịu trách nhiệm: phải phù hợp dựa trên pháp luật của các nước.

⑧ Tính năng và những hạng mục khác: không được hiển thị sai, hoặc hiển thị gây hiểu lầm.

7) CHƯƠNG 7: HỢP ĐỒNG

1. Việc đàm phán được tiến hành giữa nhà cung cấp và Công ty AEON Việt Nam.
2. Mục đích của việc đàm phán là để bàn bạc, hội ý giữa hai bên về chủng loại hàng, kế hoạch sản xuất, nhà máy sản xuất, đơn giá, số lượng, hình thức giao hàng...
3. AEON Việt Nam yêu cầu nhà cung cấp vượt qua các kiểm tra về tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá COC, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và các hạng mục khác.

4. Song song với việc đàm phán AEON Việt Nam sẽ yêu cầu làm mẫu.
① Mẫu lần 1: xác nhận quy cách, lập tài liệu liên quan.
② Mẫu lần 2: chỉnh sửa lại quy cách liên quan.
③ Mẫu cuối cùng: quyết định quy cách cuối cùng và tài liệu liên quan.

④ Mẫu chốt trước sản xuất: xác nhận nguyên phụ liệu sẽ sử dụng.
⑤ Mẫu triển lãm.
⑥ Những mẫu khác.

Tất cả mẫu trên do nhà cung cấp chuẩn bị, chỉ riêng mẫu triển lãm là do AEON Việt Nam yêu cầu và thanh toán.

5. Làm mẫu và báo giá sẽ do AEON Việt Nam yêu cầu nhà cung cấp theo mẫu của AEON Việt Nam.

6. Hợp đồng ủy thác gia công
①Ký kết hợp đồng.
②Phải là nhà cung cấp đảm bảo được chất lượng sản phẩm.
③Những hạng mục chính phải được ghi vào hợp đồng:

1) Nguyên tắc chung
2) Quy cách
3) Cấp giấy phép không độc quyền
4) Hợp đồng cho từng đơn hàng
5) Thiết bị
6) Chấp nhận mẫu
7) Các hạng mục phải tuân thủ
8) Kiểm tra, phân tích bởi bên mua
9) Sở hữu trí tuệ của bên mua
10) Giao hàng
11) Bồi thường bởi bên bán
12) Triệu hồi, trả hàng
13) Kiểm tra khi nhận hàng
14) Thời hạn
15) Thanh lý hợp đồng
16) Quyền hạn khi thanh lý hợp đồng
17) Thông tin bảo mật
18) Bảo đảm, bảo hiểm
19) Uỷ thác lại
20) Bất khả kháng
21) Thông báo
22) Thỏa thuận hoàn thành
23) Luật chi phối
24) Trọng tài

8) CHƯƠNG 8: XÁC NHẬN XUẤT HÀNG

Mục đích:

Thành phẩm được kiểm hàng theo quy định kiểm hàng, phân tích toàn bộ số lượng bởi công ty thứ 3 do công ty AEON Việt Nam chỉ định và xác nhận cho xuất hàng dựa trên báo cáo kiểm hàng được phát hành bởi công ty AEON Việt Nam dựa trên cơ sở phân tích và báo cáo kiểm hàng.

Nội dung chính:

1) Báo cáo kết quả phân tích Vi sinh thành phẩm phải đạt tiêu chuẩn.

2) Báo cáo kết quả phân tích Kháng sinh thành phẩm phải đạt tiêu chuẩn.
3) Cùng với việc xác nhận xuất hàng, hàng hóa cũng cần thỏa mãn tiêu chí chất lượng thiết kế như kiểm tra sản phẩm.

9) CHƯƠNG 9: XUẤT HÀNG – VẬN CHUYỂN – ĐÓNG GÓI

Mục đích:

Áp dụng điều kiện thương mại chung dựa trên Incoterms 2010.
Chi tiết về phương thức xuất hàng sẽ được áp dụng theo nội dung trên P/C hoặc L/C.

Quy cách thùng và tiêu chuẩn đóng gói

1) Về nguyên tắc, thùng bên ngoài sử dụng thùng 5 lớp, không pallet, tuy nhiên cũng có trường hợp cần dùng pallet.
2) Là loại thùng vững chắc có thể chịu đựng được việc vận chuyển.
3) Về nguyên tắc, vận chuyển không sử dụng dây buộc.
4) Về nguyên tắc, không sử dụng thùng có kim bấm.
5) Kích thước thùng bên ngoài và trọng lượng tùy loại sản phẩm sẽ khác nhau. Nhưng 1 kiện trọng lượng tịnh phải nhỏ hơn 10 kg.
6) Sơ đồ chất hàng

Làm theo yêu cầu của công ty AEON Việt Nam.
Những hạng mục cần hiển thị như ký hiệu logo, ký hiệu chính, ký hiệu thùng,..

7) Quy định đóng gói

① 1 loại sản phẩm trong 1 thùng.
② 1 mã hàng trong 1 thùng.
③ Không chấp nhận đóng gói hàng lẻ, chỉ chấp nhận nguyên 1 thùng.

10) CHƯƠNG 10: KHÁCH HÀNG – SIÊU THỊ BÁN HÀNG

Sứ mệnh của công ty AEON Việt Nam là mang đến cho khách hàng những sản phẩm an toàn, an tâm.
Những sản phẩm đó sẽ làm cho cuộc sống của khách hàng trở nên phong phú và thú vị hơn.
AEON Việt Nam hy vọng có thể chia sẻ những ý tưởng này đến các nhà cung cấp của AEON Việt Nam.

PHẦN II: XUẤT KHẨU HÀNG HÓA NÔNG SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ NHẬT BẢN

Vị trí địa lý: Nhật Bản là đảo quốc nằm ở phía Đông của châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương, do bốn quần đảo độc lập hợp thành bao gồm: Honshu, Kyushu, Shikoku và Hokkaido.
Diện tích: 377.829 km2
Thủ đô: Tokyo
Dân số: Dân số hiện tại của Nhật Bản là 125.432.411 người vào ngày 19/10/2022 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc. (Nguồn: https://danso.org/nhat-ban/), chiếm 1,57% dân số thế giới. 91,87% dân số sống ở thành thị. Độ tuổi trung bình ở Nhật Bản là 49,2 tuổi.

Tôn giáo: Nhật Bản được thống trị bởi hai tôn giáo chính: Thần đạo - Shinto (tôn giáo dân gian của người Nhật) và Phật giáo với các tổ chức liên quan.
Đơn vị tiền tệ: Yên là đơn vị tiền tệ lưu thông trên toàn Nhật Bản.
GDP: heo số liệu thống kê do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố, GDP của Nhật Bản năm 2021 đạt xấp xỉ 4,9 nghìn tỷ USD. Đây là quốc gia có GDP lớn thứ ba trên thế giới sau Mỹ và Trung Quốc.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP: IMF dự báo GDP Nhật Bản sẽ tăng 3,2% trong năm nay (được củng cố khi hiệp định thương mại Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực có hiệu lực), tiếp theo là 1,4% vào năm 2023, bên cạnh sự không chắc chắn do sự gia tăng các trường hợp Covid-19 toàn cầu.
GDP đầu người: Theo báo cáo của IMF vào năm 2020, GDP bình quân đầu người của Nhật Bản đứng thứ 23 trên thế giới, ở mức 40.146 USD.
Sản phẩm xuất khẩu chính: ô tô, phụ tùng xe, mạch tích hợp, máy móc có chức năng đơn lẻ, tàu chở khách và chở hàng.
Thị trường xuất khẩu chính: Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan.
Sản phẩm nhập khẩu chính: dầu lửa và nhiên liệu thô chiếm 6.8% kim ngạch nhập khẩu, khí gas hóa lỏng chiếm 4.7%, dược phẩm chiếm 4.7% là những mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất vào Nhật Bản. Nhật Bản là đất nước vốn không có nhiều tài nguyên thiên nhiên, do đó, các loại nhiên liệu chiếm tỷ trong rất cao trong kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản.
Thị trường nhập khẩu chính: Trung Quốc vẫn là đối tác lớn nhất và chiếm kim ngạch tỷ trọng kim ngạch áp đảo (25.8%) so với các quốc gia khác là Mỹ (11%), Úc (5.6%), Đài Loan (4.2%). Ngoài ra, Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 9, đồng thời là đối tác nhập khẩu lớn thứ 7 của Nhật Bản.

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

1) Quy định chung khi xuất khẩu hàng nông sản vào thị trường Nhật Bản

1.1) Qui định chất lượng thương mại và ghi nhãn mác

Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông Nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường. Thông tin chi tiết về tiêu chuẩn và các thủ tục nhập khẩu đối với các sản phẩm cụ thể có thể thấy trên các trang Web sau:

* Tổ chức Ngoại Thương Nhật Bản: www.jetro.go.jp/en/
* Bộ Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thủy Sản: www.maf.go.jp/soshi¬ki/syokuhin/hinshitu/e_label/index.htm

1.2) Quy định về an toàn thực phẩm

Tại Nhật Bản, Bộ Y Tế, Lao Động và Phúc Lợi Xã Hội và Cục Môi trường chịu trách nhiệm trong việc thiết lập và kiểm tra các mức dư lượng. Các mức dư lượng này dựa trên Luật Vệ Sinh Thực Phẩm.

Để có thêm thông tin về an toàn thực phẩm có thể truy cập vào trang Web: www.mhlw.go.jp/english/topics.foodsafety/index.html

1.3) Quy định kiểm dịch thực vật

Chính phủ Nhật Bản yêu cầu các nước xuất khẩu hàng hóa vào Nhật Bản phải tuân thủ Luật Bảo vệ thực vật, Luật Sức khỏe Thực vật và Luật Vệ sinh Thực phẩm. Những quy định được thi hành bởi Phòng Bảo vệ Thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF). Thông tin chi tiết về các quy định kiểm dịch thực vật hoặc hệ thống kiểm dịch của Nhật Bản có thể tìm thấy trên các trang Web:

* Trạm Bảo vệ Thực vật: www.pps.go.jp/english/
* Tổ chức Ngoại thương của Nhật Bản: www.jetro.go.jp/en/
* Kiểm dịch động vật: www.maffaqs.go.jp/english/ryoko/index.htm

1.4) Khai báo hải quan

Trước khi hàng đến, các nhà xuất khẩu phải thông báo cho các trạm kiểm dịch tại địa điểm nhập khẩu biết thông qua hệ thống điện tử do Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội quản lý. Để giảm thời gian cho thí nghiệm ở Nhật Bản hay ở tại nước xuất khẩu và kết quả kiểm tra sẽ được dùng cho việc khai báo hải quan trước. Thuế tiêu thụ và các khoản thuế nhập khẩu khác phải được trả trước khi những khai báo được hoàn tất.

Thông tin thêm về các thủ tục nhập khẩu xem tại: www.mhlw.go.jp/english/topics/importedfoods/index.html

Hải quan Nhật Bản: www.customs.go.jp/english/index.htm

1.5) Chứng nhận nông sản xuất khẩu

a. Chứng nhận về môi trường

* Nông nghiệp hữu cơ

Yêu cầu áp dụng trong trồng trọt:	Chăn nuôi yêu cầu áp dụng:
Chọn hạt giống và nguồn thực vật	Sức khoẻ vật nuôi và chăm sóc tốt.
Duy trì độ phì đất và chu trình tái tạo các chất hữu cơ.	Dinh dưỡng, nuôi thả.
Nghiêm cấm việc sử dụng cây trồng biến đổi gen.	Phương thức vận chuyển và giết mổ.
Đa dạng hoá cây trồng trên đồng ruộng.	
Chế biến, đóng gói và truy xuất nguồn gốc của sản phẩm.	
Sử dụng phân bón hữu cơ và các hợp chất hữu cơ trong việc phòng trừ sâu bệnh và cỏ dại.	

b. Các thông tin về nông nghiệp hữu cơ

*** Quốc tế:**

- Liên đoàn Quốc tế về trào lưu Nông nghiệp Hữu cơ (IFOAM):
https://www.ifoam.bio/
Email: headoffice@ifoam.org
Điện thoại: +49 228 926 5010
- Tổ chức Nông – Lương Liên Hợp Quốc (FAO): http://www.fao.org/organicag
- Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD):
https://unctad.org/
- Trung tâm thương mại Quốc tế (ITC): https://www.intracen.org/

*** Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan chứng nhận ở Châu Á:**
www.fao.org/es/esc/en/20953/21020/highlight_35950en.html

c. Chứng nhận ISO 14001

Các thông tin về ISO 14001 Quốc tế:
- Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế (ISO): https://www.iso.org/home.html
- Các hỗ trợ và cơ quan cấp giấy chứng nhận quốc gia ở Châu Á:
www.fao.org/es/esc/en/20953/21020/highlight_35950en.html

1.6) Chứng nhận về xã hội

a. Thông tin về công bằng thương mại Quốc tế:

Xuất khẩu sản phẩm công bằng thương mại đến Nhật bản:
- TransFair Nhật Bản: www.fairtrade-jp.org/AlterTrade
- AltertradeNhật Bản: http://altertrade.co.jp/
- Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan cấp giấy chứng nhận ở Châu Á:
www.fao.org/es/esc/en/20953/21020/highlight_35950en.html

b. Chứng nhận SA 800

*** Thông tin về SA8000 Quốc tế:**
- Cơ quan Trách nhiệm xã hội Quốc tế
Web: https://sa-intl.org/
Email: info@saintl.org
Tel: +1 212 6841414
- Danh sách các tổ chức chứng nhận SA8000:
https://itvc-global.com/danh-sach-cac-to-chuc-danh-gia-sa-8000-s326.htm
- Tổ chức trợ giúp quốc gia và cơ quan cấp giấy chứng nhận ở Châu Á:
www.fao.org/es.esc.en.20953/21020/highlight_35950en.html

2) Quy định chung về xuất khẩu hàng thủy sản vào thị trường Nhật Bản

2.1) Các quy định xuất khẩu hàng thủy sản vào thị trường Nhật Bản

Việc nhập khẩu thủy sản tươi sống và chế biến vào Nhật Bản phải tuân theo các quy định của các luật sau đây:
- Luật Ngoại hối và Ngoại thương:
- Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Luật Hải quan.

2.1.1. Luật Ngoại hối và Ngoại thương:

Việc nhập khẩu hàng thủy sản phải tuân theo các quy định về hạn chế nhập khẩu sau đây: Hạn ngạch nhập khẩu; Phê duyệt nhập khẩu; Xác nhận nhập khẩu (trước hoặc tại thời điểm thông quan)

- Hạn ngạch nhập khẩu: Những loại thủy sản sau đây được coi là đối tượng áp dụng hạn ngạch nhập khẩu theo quy định của Luật Ngoại hối và Ngoại thương; đồng thời các nhà nhập khẩu phải được cấp hạn ngạch nhập khẩu và phê duyệt nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp: Cá trích (nishin), cá tuyết (tara), cá đuôi vàng, cá thu, cá mòi, cá thu ngựa, sò điệp, mắt sò, mực, v.v. (sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, phi lê hoặc sấy khô).

Có bốn chế độ phân bổ hạn ngạch, bao gồm:

+ Phân bổ theo công ty thương mại (phân bổ dựa trên hồ sơ trong quá khứ);
+ Phân bổ theo nhà khai thác thủy sản;
+ Phân bổ theo người tiêu dùng;
+ Phân bổ trên cơ sở "người đến trước".

Các nhà nhập khẩu mới không có kinh nghiệm nhập khẩu trong quá khứ về nguyên tắc sẽ chỉ có thể đăng ký phân bổ "người đến trước" (phân bổ có thể được thực hiện bằng việc bốc thăm); nếu không thì họ có thể nhận phân bổ lại từ những người đã có phân bổ.

- Phê duyệt nhập khẩu: Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, các nhà nhập khẩu bắt buộc phải nhận được phê duyệt nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp:

+ Cá ngừ vây xanh (được nuôi ở Đại Tây Dương hoặc biển Địa Trung Hải và được bảo quản tươi / ướp lạnh).
+ Cá ngừ vây xanh miền Nam (được bảo quản tươi hoặc ướp lạnh, trừ những loại từ Úc, New Zealand, Philippines, Hàn Quốc hoặc Đài Loan).
+ Cá ngừ mắt to tươi sống và chế biến, cá, động vật giáp xác và động vật có xương sống khác và thực phẩm chế biến của chúng, và các sản phẩm từ động vật sử dụng cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm.

- Xác nhận nhập khẩu trước: Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, các nhà nhập khẩu cần phải nhận được một văn bản xác nhận nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp trước khi tiến hành nhập khẩu:

+ Sản phẩm đông lạnh của các loại: cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh miền Nam, cá ngừ mắt to, cá kiếm.
+ Cá ngừ (không bao gồm cá ngừ albacore, cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh phương Nam và cá ngừ mắt to) và cá marlin (không bao gồm cá kiếm) được nhập khẩu bằng tàu biển (được bảo quản tươi / ướp lạnh / đông lạnh).

- Xác nhận nhập khẩu tại thời điểm thông quan: Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, nhà nhập khẩu cần nộp hồ sơ bắt buộc bao gồm dữ liệu thống kê, giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận về tái xuất để có thể nhận được xác nhận nhập khẩu từ Cơ quan Hải quan.

+ Cá ngừ vây xanh (tươi / ướp lạnh);
+ Cá ngừ vây xanh phương Nam (tươi / ướp lạnh);
+ Cá kiếm (tươi / ướp lạnh).

2.1.2. Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm

Theo Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi về "Tiêu chuẩn và tiêu chí cho thực phẩm và chất phụ gia" ban hành theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm,

và các tiêu chuẩn về dư lượng kháng sinh v.v… (gồm chất phụ gia thực phẩm và thuốc cho động vật), thủy sản tươi sống và chế biến là đối tượng phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, được kiểm tra theo loại và tính chất của nguyên liệu thô, kiểm tra theo loại và hàm lượng chất phụ gia, dư lượng kháng sinh, v.v… Lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm có thể được ban hành nếu trong sản phẩm sử dụng chất phụ gia bị cấm, hay dư lượng kháng sinh vượt qua mức độ cho phép.

Thủy sản tươi sống và chế biến nên được kiểm tra tại nơi sản xuất trước khi tiến hành nhập khẩu. Nếu việc sử dụng chất phụ gia hay dư lượng chất kháng sinh vượt quá giới hạn theo tiêu chuẩn Nhật Bản, cần đưa ra các hướng dẫn xử lý phù hợp tiếp theo cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Cho đến năm 2006, các tiêu chuẩn về dư lượng kháng sinh được áp dụng theo nguyên tắc "chọn - bỏ", theo đó một chất kháng sinh sẽ không bị kiểm soát dư lượng nếu không có quy định cụ thể áp dụng cho chất đó. Tuy nhiên, luật sửa đổi sau đó đã áp dụng nguyên tắc "chọn - cho", theo đó một sản phẩm sẽ bị cấm lưu thông phân phối nếu có chứa một mức độ nhất định dư lượng kháng sinh, ngay cả khi không có quy định cụ thể nào áp dụng cho chất kháng sinh đó. Nguyên tắc "chọn - cho" được áp dụng với mọi loại thực phẩm, bao gồm thủy sản kể cả tự nhiên hay nuôi trồng.

Kể từ năm 2011, trong số các loại thủy sản là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (kiểm tra mọi lô hàng đối với những thực phẩm có nguy cơ cao vi phạm Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm), các mặt hàng là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc không kể đến xuất xứ bao gồm trứng cá hồi và cá nóc. Ngoài ra, tôm và tôm thương phẩm nuôi trồng từ Thái Lan (kiểm tra dư lượng axit oxolinic), tôm và tôm thương phẩm Việt Nam (chloramphenicol, nitrofurans…) cũng là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc.

Giới hạn tối đa áp dụng là 0,002 ppm đối với fenitrothio; 0,01 ppm đối với axit oxolinic, acetochlor và triazophos; và cấm sử dụng nitrofurans và chloramphenicol trong sản phẩm thủy sản.

2.1.3. Luật Hải quan

Luật Hải quan cấm việc nhập khẩu các lô hàng được ghi sai nhãn hoặc gây khó hiểu về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

2.2) Quy trình cấp phép nhập khẩu thủy sản tại Nhật Bản

+ Hạn ngạch nhập khẩu

Những thông tin liên quan đến hạn ngạch nhập khẩu được công bố rộng rãi trên trang web của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, bao gồm tiêu chuẩn áp dụng, lượng hạn ngạch được phân bổ, hạn nộp đơn, nơi xuất xứ (bởi vì nhập khẩu bị cấm từ những quốc gia ngoài danh sách cho phép)… dựa trên loại mặt hàng nào là đối tượng chịu áp dụng hạn ngạch.

Quy trình xin hạn ngạch nhập khẩu được minh họa trong sơ đồ dưới đây:

Quy trình xin hạn ngạch nhập khẩu

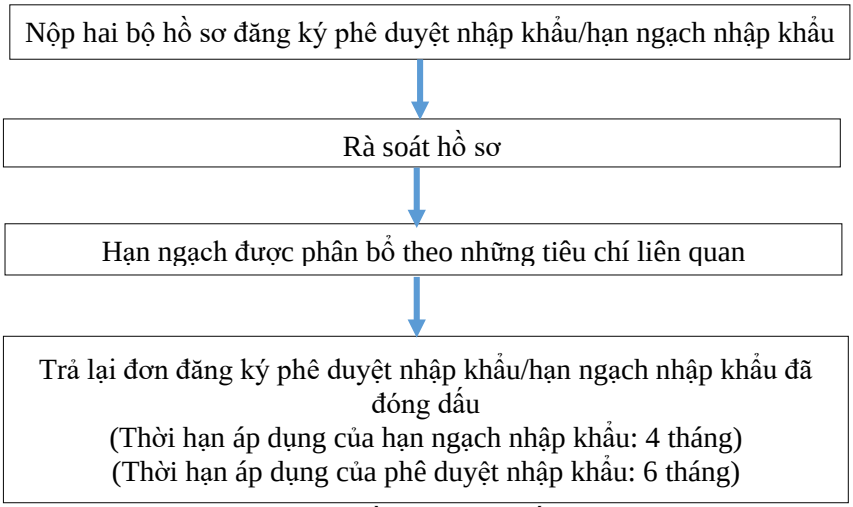

Nguồn: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp

Đơn đăng ký hạn ngạch nhập khẩu phải được nộp cho Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (thông qua Văn phòng sản phẩm nông nghiệp và thủy sản, Vụ Kiểm soát thương mại, Cục Hợp tác kinh tế và thương mại). Sau khi nhận lại đơn đăng ký hạn ngạch được đóng dấu phê duyệt chính thức, nhà nhập khẩu có thể bắt đầu quy trình làm thủ tục nhập khẩu.

+ Phê duyệt nhập khẩu

Quy trình xin phê duyệt nhập khẩu được minh họa tại sơ đồ dưới đây:

Quy trình phê duyệt nhập khẩu

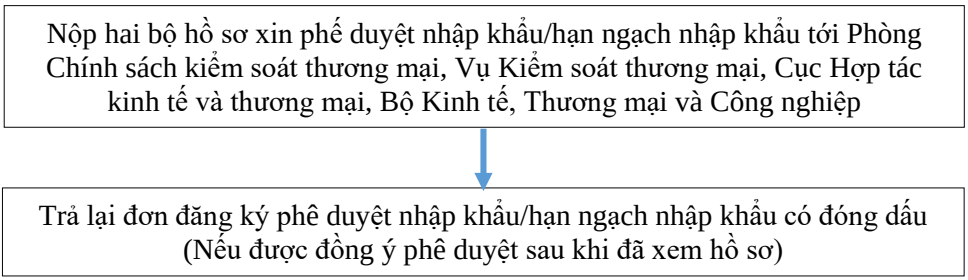

Nộp các tài liệu được trả lại để tiến hành nhập khẩu

Nguồn: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp

Đơn đăng ký xin xác nhận nhập khẩu phải được nộp cho Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (thông qua Vụ Kiểm soát thương mại, Cục Hợp tác kinh tế và thương mại). Sau khi nhận lại đơn đăng ký được đóng dấu chính thức, nhà nhập khẩu có thể bắt đầu quy trình làm thủ tục nhập khẩu.

+ Xác nhận nhập khẩu

Để nhập khẩu cá ngừ (không bao gồm cá ngừ albacore, cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh phương Nam và cá ngừ mắt to), các tài liệu cần thiết phải được nộp để đăng ký xin xác nhận nhập khẩu.

Sau khi nhận được thông báo xác nhận do Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp cấp, nhà nhập khẩu có thể tiến hành thủ tục nhập khẩu. Để nhập khẩu cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh miền Nam và cá kiếm tươi sống hoặc ướp lạnh (không bao gồm các loại đã nói ở phía trên), giấy chứng nhận phê duyệt nhập khẩu phải được nộp cho Cơ quan Hải quan để có thể nhận xác nhận nhập khẩu.

+ Kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm

Theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, các tài liệu cần thiết phải được nộp kèm khi nộp đơn đăng ký kiểm dịch với các bộ phận giám sát thực phẩm nhập khẩu tại các Trạm Kiểm dịch thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi.

Việc kiểm dịch vệ sinh thực phẩm sẽ được quyết định tiến hành sau giai đoạn xem xét hồ sơ ban đầu. Nếu như sau giai đoạn xem xét hồ sơ và kiểm dịch không phát hiện bất kỳ vấn đề gì về vệ sinh an toàn thực phẩm, đơn đăng ký kiểm dịch sẽ được trả lại để người nộp đơn nộp kèm cùng với tài liệu hải quan khác trong quá trình thông quan. Trong trường hợp lô hàng bị xác định không phù hợp cho nhập khẩu, các biện pháp như tiêu hủy hoặc trả lại hàng cho người giao hàng sẽ được áp dụng.

+ Thông quan nhập khẩu

Theo quy định của Luật Kinh doanh hải quan, tờ khai nhập khẩu phải được thực hiện bởi chính nhà nhập khẩu hoặc ủy quyền cho các chuyên gia về hải quan đã đăng ký hành nghề (bao gồm môi giới hải quan). Để một lô hàng từ nước ngoài có thể cập cảng vào Nhật Bản, tờ khai hải quan phải được nộp cho Cơ quan Hải quan phụ trách khu vực dỡ hàng. Hàng hóa muốn thông quan trước tiên phải trải qua các quy trình kiểm tra, kiểm dịch; sau đó nhà nhập khẩu phải nộp đủ lệ phí hải quan hay các loại thuế tiêu dùng nội địa để được nhận giấy phép nhập khẩu.

2.3) Cơ quan Quản lý nhập khẩu và bán hàng thủy sản tại Nhật Bản

Luật Bảo vệ thực vật	Phòng Bảo vệ thực vật, Cục An toàn thực phẩm và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Nông Lâm Thủy sản	www.maff.go.ip
Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm	Phòng An toàn và Kiểm dịch, Vụ An toàn thực phẩm, Cục An toàn thực	www.mhlw.go.jp

	phẩm và dược phẩm, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi	
Luật Hải quan	Cục Thuế quan và Hải quan, Bộ Tài chính	www.mof.go.jp
Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản	Phòng Tiêu chuẩn và Ghi nhãn, Cục An toàn thực phẩm và Bảo về người tiêu dùng, Bộ Lâm Thủy sản	www.maf.go.jp
Luật Đo lường	Phòng Đo lường và Hạ tầng sở hữu trí tuệ, Cục Môi trường và chính sách khoa học – công nghệ trong công nghiệp, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	www.meti.go.jp
Luật Bảo vệ sức khỏe	Phòng Thực phẩm và Ghi nhãn, Tổng Cục Người tiêu dùng	ww.caa.go.jp
Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả hiểu lầm	Phòng Đại diện, Tổng cục Người tiêu dùng	www.caa.go.jp
Luật Trách nhiệm sản phẩm	Phòng An toàn người tiêu dùng, Tổng cục Người tiêu dùng	www.caa.go.jp
Luật Giao dịch thương mại chỉ định	Văn phòng Tư vấn người tiêu dùng, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; Phòng An toàn người tiêu dùng, Tổng cục Người tiêu dùng	www.meti.go.jp www.env.go.jp
Luật Khuyến khích thu gom rác đã phân loại và tái chế bao bì/Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên	Phòng Khuyến khích tái chế, Cục Môi trường và chính sách khoa học – công nghệ trong công nghiệp, Bộ Kinh tế, thương mại và Công nghiệp Văn phòng Khuyến khích tái chế, Vụ Tái chế và quản lý rác, Bộ Môi trường Phòng Chính sách công nghiệp thực phẩm, Cục Chính sách thực phẩm, Bộ Nông Lâm Thủy sản	www.meti.go.jp www.env.go.jp www.maff.go.jp
Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh/ Luật Thương hiệu	Văn phòng Chính sách quyền sở hữu trí tuệ, Cục Chính sách công nghiệp và thương mại, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Phòng Hành chính tổng hợp, Văn phòng Sáng chế Nhật Bản, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	www.meti.go.jp www.jpo.go.jp

2.4) Quy định về ghi nhãn đối với thủy sản nhập khẩu

Nhãn chất lượng cho thủy sản tươi sống và chế biến phải được ghi bằng tiếng Nhật và tuân thủ theo các luật và quy định sau:

- Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản;
- Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Luật Đo lường;
- Luật Bảo vệ sức khỏe;
- Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên;
- Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm, các luật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ: Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu).

Khi nhập khẩu và bán sản phẩm thủy sản chế biến, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin dưới đây trên nhãn, theo quy định ghi nhãn chất lượng đối với thực phẩm chế biến của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp với nông lâm sản, và những quy định tương tự đối với đóng gói thực phẩm chế biến trong đồ đựng theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Tên sản phẩm
- Thành phần dinh dưỡng
- Hàm lượng dinh dưỡng
- Hạn sử dụng
- Phương thức bảo quản
- Tên nước xuất xứ
- Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu.

Tên sản phẩm

Tên của sản phẩm phải được ghi trên nhãn theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thành phần dinh dưỡng

Các thành phần của sản phẩm phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ thành phần có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Chất phụ gia

Tên của các chất phụ gia được sử dụng trong sản phẩm phải được liệt kê trên nhãn theo thứ tự giảm dần của tỷ trọng hàm lượng chất phụ gia theo quy định của Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tên và công dụng của 8 chất phụ gia sau đây phải được ghi rõ trên nhãn: chất làm ngọt, chất chống oxy hóa, màu nhân tạo, chất tạo màu, chất bảo quản, chất làm trắng, chất làm đặc/chất ổn định/chất tạo gel, chất chống nấm.

Về chi tiết đối với tiêu chuẩn sử dụng và lưu trữ chất phụ gia, Thông báo số 370 về "Tiêu chuẩn và tiêu chí cho thực phẩm và chất phụ gia" của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định giới hạn tối đa cho phép đối với các chất phụ gia được phê duyệt cho mỗi sản phẩm thực phẩm. Các quy tắc và tiêu chuẩn theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm (Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi) cũng quy định nồng độ natri nitrite trong trứng cá hồi và trứng cá hồi muối (và trứng cá tuyết muối) phải dưới 0,005g/kg.

Bệnh dị ứng

Khi sản phẩm chứa các thành phần đặc biệt sau đây, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm bắt buộc/ khuyến khích ghi nhãn về nguy cơ gây dị ứng nhằm ngăn chặn những mối nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe của những người tiêu dùng dễ bị dị ứng. Tuy nhiên, không cần ghi nhãn nếu các thành phần đó có thể dễ dàng được xác định trong các sản phẩm.

- Những nguyên liệu đặc biệt bắt buộc ghi nhãn bệnh dị ứng: trứng, sữa, bột mì, tôm, cua, mì lúa mạch, lạc.
- Những nguyên liệu đặc biệt được khuyến khích ghi nhãn bệnh dị ứng: mực, trứng cá hồi, cá hồi, cá thu, thịt bò, thịt gà, thịt lợn, nấm, quả óc chó, chuối, đậu nành, cam, kiwi, đào, khoai, táo, gelatin.

Khối lượng

Khi nhập khẩu và bán hàng thủy sản tươi sống và chế biến, nhà nhập khẩu phải ghi rõ khối lượng sản phẩm trên nhãn, theo quy định của Luật Đo lường. Sản phẩm phải được xác định khối lượng chính xác sao cho khối lượng thực của sản phẩm và con số ghi trên nhãn nằm trong mức dung sai cho phép.

Hạn sử dụng

Ngày hết hạn sử dụng của sản phẩm ở trạng thái còn đóng kín khi được bảo quản theo phương pháp đã ghi trên nhãn phải tuân theo Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, cũng như Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Hạn sử dụng được ghi theo hình thức ngày hết hạn hoặc là ngày mà việc sử dụng sản phẩm trước ngày đó là tốt nhất. Ghi nhãn theo ngày hết hạn được áp dụng cho thực phẩm có chất lượng suy giảm

nhanh chóng trong vòng 5 ngày kể từ ngày sản xuất, trong khi đó ghi nhãn "sử dụng tốt nhất trước ngày…" được áp dụng cho thực phẩm có chất lượng không bị suy giảm nhanh chóng.

Phương thức bảo quản

Phương thức bảo quản nhằm duy trì hương vị của sản phẩm ở trạng thái còn đóng gói kín cho đến hạn "sử dụng tốt nhất trước ngày…" phải được ghi trên nhãn theo quy định của luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Các thực phẩm mà ghi hạn sử dụng dưới hình thức ngày hết hạn phải được đánh dấu "bảo quản dưới 10 độ C" trong khi các thực phẩm "sử dụng tốt nhất trước ngày…" cần phải được đánh dấu "tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp ở nhiệt độ phòng", v.v… Tuy nhiên, phương thức bảo quản có thể không cần ghi trên nhãn đối với những thực phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng.

Nhãn xuất xứ

Các tiêu chuẩn ghi nhãn chất lượng cho thủy sản chế biến, theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, yêu cầu tên nước xuất xứ (hoặc có thể cung cấp thêm tên của vùng biển) phải được ghi rõ trên nhãn của thủy sản nhập khẩu. Luật này cũng quy định phải ghi nhãn xuất xứ cho thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản được liệt kê dưới đây. Các thông tin về xuất xứ cần được ghi trong ngoặc đơn trong danh mục thành phần dinh dưỡng (nhằm chỉ rõ xuất xứ của mỗi loại thành phần) hoặc ghi tên nước xuất xứ trong một vị trí cụ thể trên nhãn.

Các loại thủy sản tươi sống và chế biến phải ghi nhãn xuất xứ Tiêu chuẩn ghi nhãn Thủy sản chế biến được áp dụng - Tiêu chuẩn ghi nhãn chất lượng cho thủy sản chế biến Cá muối, rong biển Cá chế biến sẵn, rong biển (không bao gồm những sản phẩm nấu chín hoặc chế biến sẵn và sản phẩm đông lạnh) Cá nướng bề ngoài Hỗn hợp sản phẩm nông sản, thủy sản… tươi sống

Chất lượng

Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản quy định việc ghi nhãn chất lượng trong những trường hợp dưới đây:

- "Rã đông" cho những sản phẩm thủy sản đông lạnh đã được rã đông.
- "Nuôi trồng" cho những sản phẩm thủy sản được nuôi trồng.

Nhà nhập khẩu

Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu phải được ghi rõ trên nhãn theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, cũng như Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với thủy sản được chế biến tại Nhật Bản có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc người bán phải được ghi trên nhãn.

Hàm lượng dinh dưỡng:

Hàm lượng dinh dưỡng và lượng calo phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm thủy sản theo tiêu chuẩn ghi nhãn dinh dưỡng theo quy định của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Thông tin bắt buộc bao gồm hàm lượng dinh dưỡng, cấu trúc dinh dưỡng (ví dụ: axit amin trong protein), và loại chất dinh dưỡng (ví dụ: các loại axit béo trong chất béo). Nếu chỉ ghi tên chung chung như "vitamin" thay vì mô tả cụ thể

tên của các chất dinh dưỡng thì phải ghi nhãn thành phần. Hàm lượng dinh dưỡng phải được ghi theo thứ tự và đơn vị sau đây:

- Calo (kcal hoặc kilocalo)
- Protein (g hoặc gram)
- Chất béo (g hoặc gram)
- Carbonhydrate (g hoặc gram)
- Muối khoáng
- Các loại chất dinh dưỡng khác được ghi trên nhãn Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi cũng quy định các tiêu chuẩn ghi nhãn đối với các chất dinh dưỡng khác và các thông tin cần ghi rõ.

Việc ghi nhãn cho các thực phẩm chức năng hoặc thực phẩm phục vụ các chế độ ăn uống đặc biệt phải tuân thủ các quy định tương ứng và phải được kiểm tra để phê duyệt.

Nhãn giúp phân loại rác trên bao bì

Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên yêu cầu phải ghi nhãn khuyến khích việc sắp xếp phân loại đồ đựng và bao bì cụ thể. Sản phẩm nhập khẩu có đặc điểm dưới đây phải ghi nhãn phân loại đồ đựng và bao bì theo quy định của luật:

- Khi có các chỉ dẫn hành chính đối với nguyên liệu và cấu trúc của đồ đựng và bao bì.
- Khi đồ đựng và bao bì của sản phẩm nhập khẩu được in, ghi nhãn hoặc chạm khắc bằng tiếng Nhật. Nhãn phân loại rác trên bao bì

Mô tả sản phẩm

Các mô tả về sản phẩm với diễn giải sai lệch hoặc gây hiểu nhầm đều bị cấm theo quy định của Luật Bảo vệ sức khỏe, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm, và các luật và quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ: Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu). Các luật này được áp dụng không chỉ đối với sản phẩm thủy sản mà cho tất cả các sản phẩm.